

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **426/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 28 – 09 - 2022
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;
2. Ông Phan Phước Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 348/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 639/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 691/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kiều Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 06, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Dương Hoàng N, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 06, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà T có mặt, ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Kiều Thị T và ông Dương Hoàng N tự tìm hiểu, sống chung như vợ chồng từ năm 2010 đến nay không đăng ký kết hôn. Trong thời kỳ chung sống, bà T và ông N có 02 con chung tên Dương Kiều V, sinh ngày 16/8/2011 và Kiều Hoàng T1, sinh ngày 04/8/2017. Hiện hai cháu Kiều V, Hoàng T1 đang chung sống cùng bà T.

Theo bà T, năm 2021 bà T và ông N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N ghen tuông vô cớ, sử dụng lời lẽ xúc phạm, nên hai người đã ly thân. Xét thấy không còn tình cảm và không thể sống chung, nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông N; yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng. Về tài sản không yêu cầu giải quyết.

Theo ông N, ông N thừa nhận có ghen tuông và dùng lời lẽ không hay với bà T. Tuy nhiên ông còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn. Về con chung, thì tùy theo nguyện vọng của các con. Nếu các con sống với bà T thì ông xin không cấp dưỡng. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con và ghi nhận ý kiến con chưa thành niên.

Theo Biên bản xác minh ngày 28/8/2022 thì ông Dương Hoàng N không có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, nhưng từ nhỏ cùng gia đình sinh sống tại cầu số 1, ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hội, sau đó chung sống cùng bà T tại ấp Phú Nhon, xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Theo xác nhận ngày 28/6/2022 của UBND xã Phú Hội thì bà T và ông N không có đăng ký kết hôn.

Theo Biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 11/8/2022 thì cháu Dương Kiều V có nguyện vọng tiếp tục chung sống cùng bà T khi bà T và ông N ly hôn.

Tại phiên tòa, bà Kiều Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với ông N; có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dạy 2 con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà T; tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà T và ông N không có đăng ký kết hôn, nên đề nghị tuyên không công nhận ông N và bà T là vợ chồng. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị chấp nhận theo nguyện vọng của bà T, giao cả 2 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dạy. Công nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Kiều Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Dương Hoàng N và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “ly hôn, nuôi con

chung”. Bị đơn ông Dương Hoàng N hiện sinh sống tại ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vắng mặt không lý do. Như vậy ông N đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Do hôn nhân giữa ông N và bà T không đăng ký kết hôn, nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải về tình cảm. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Dương Hoàng N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà T, ông N, kết quả xác minh được biết, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà T và ông N là do bất đồng quan điểm sống, ông N thường dùng lời lẽ xúc phạm, ghen tuông vô cớ, không chăm lo cuộc sống gia đình. Tại phiên tòa, bà T cương quyết xin ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà T và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình thì bà T và ông N có đủ điều kiện, nhưng bà T và ông N không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình, nên không phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông N có 02 (hai) con chung Dương Kiều V và Kiều Hoàng T1. Cháu Kiều V có nguyện vọng sống cùng bà T sau khi bà T và ông N ly hôn; cháu Hoàng T1 còn nhỏ và đang được bà T nuôi dạy tốt. Bà T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các cháu. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cả 2 con chung Kiều V và Hoàng T1 cho bà T trực tiếp nuôi dạy sẽ ổn định tâm lý và sự phát triển bình thường của các cháu.

Công nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông N không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng:

Về án phí, bà Kiều Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, ông Dương Hoàng N không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 14, 15, 16, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị T,

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Kiều Thị T và ông Dương Hoàng N là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Kiều Thị T được trực tiếp nuôi dạy con 2 chung tên Dương Kiều V, sinh ngày 16/8/2011 và Kiều Hoàng T1, sinh ngày 04/8/2017.

Ông Dương Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Dương Hoàng N và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của bà Kiều Thị T. Ngược lại, bà T và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông N.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Kiều Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006516 ngày 22/7/2022. (Bà T đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà Kiều Thị T. Thời hạn kháng cáo của bà T là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của ông Dương Hoàng N là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Phú Hội (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Sáu

